

BỘ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG
Số: 22/2009/TT-BTTTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2009

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý thuê bao di động trả trước

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Bộ Luật Dân sự đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật An ninh Quốc gia đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 160/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông về viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 142/2004/NĐ-CP ngày 08 tháng 07 năm 2004 của Chính phủ quy định Quy định xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện;

Căn cứ Nghị định số 50/2009/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về việc bổ sung Điều 12a Nghị định số 142/2004/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Viễn thông,

QUY ĐỊNH:

Chương I.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này điều chỉnh các hoạt động đăng ký, lưu giữ và sử dụng các thông tin về nhân thân và số máy của cá nhân hoặc người đứng tên đại diện cho cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ thông tin di động mặt đất trả trước, dịch vụ điện thoại trung kế vô tuyến trả trước (sau đây gọi tắt là dịch vụ di động trả trước) nhằm sử dụng, khai thác hiệu quả tài nguyên viễn thông, thúc đẩy sự phát triển bền vững của thị trường viễn thông Việt Nam và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động viễn thông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

- a) Cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương có liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý dịch vụ di động trả trước;
- b) Doanh nghiệp thông tin di động;
- c) Chủ điểm giao dịch được uỷ quyền;
- d) Chủ thuê bao di động trả trước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dịch vụ di động trả trước* là dịch vụ mà người sử dụng dịch vụ phải trả tiền trước cho doanh nghiệp thông tin di động thông qua hình thức nạp tiền vào thẻ SIM trả trước hoặc máy đầu cuối di động trả trước (loại không dùng thẻ SIM) hoặc các hình thức tương tự khác.
2. *Doanh nghiệp thông tin di động* là doanh nghiệp viễn thông được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ thông tin di động.
3. *Chủ điểm giao dịch được uỷ quyền* là doanh nghiệp, cá nhân đã ký kết hợp đồng uỷ quyền tiếp nhận đăng ký thông tin thuê bao với doanh nghiệp thông tin di động.
4. *Chủ thuê bao di động trả trước* là cá nhân hoặc người đứng tên đại diện cho cơ quan, tổ chức, sử dụng dịch vụ thông tin di động trả trước, bao gồm:
 - a) Chủ thuê bao di động trả trước của các mạng điện thoại di động mặt đất;

- b) Chủ thuê bao di động trả trước của mạng điện thoại trung kế vô tuyến;
- c) Chủ thuê bao di động trả trước của các mạng viễn thông khác do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

5. *Cơ sở dữ liệu thông tin thuê bao di động trả trước* là tập hợp các trang thiết bị (bao gồm cả phần cứng và phần mềm) được liên kết với nhau để phục vụ việc cập nhật, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao của doanh nghiệp thông tin di động.

6. *SIM* (Subscriber Identity Module) là một thẻ điện tử thông minh được dùng trong điện thoại di động để chứa thông tin của chủ thuê bao, dịch vụ thuê bao và doanh nghiệp thông tin di động.

Điều 4. Nguyên tắc đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao

1. Phương thức, thủ tục đăng ký phải hợp lý, đơn giản; không gây phiền hà và không làm phát sinh thêm chi phí cho chủ thuê bao.
2. Đảm bảo thông tin thuê bao được đăng ký, lưu giữ thống nhất, tập trung, tin cậy và sử dụng đúng mục đích.
3. Đảm bảo bí mật đối với thông tin thuê bao theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp thông tin di động có trách nhiệm bảo đảm bí mật thông tin thuê bao trừ các trường hợp sau đây:
 - a) Chủ thuê bao đồng ý cho cung cấp các thông tin của mình;
 - b) Các doanh nghiệp thông tin di động có thoả thuận bằng văn bản với nhau về việc trao đổi, cung cấp thông tin thuê bao để quản lý cước phí sử dụng và ngăn chặn hành vi trốn tránh thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của chủ thuê bao;
 - c) Khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao di động trả trước, bao gồm:

1. Sử dụng chứng minh thư hoặc hộ chiếu của người khác để đăng ký thông tin thuê bao.
2. Sử dụng chứng minh thư hoặc hộ chiếu của mình để đăng ký thông tin thuê bao cho người khác trừ trường hợp quy định tại Khoản 5, Điều 7 của Thông tư này.

3. Kích hoạt dịch vụ di động trả trước cho thuê bao khi chính chủ thuê bao vẫn chưa thực hiện việc đăng ký thông tin thuê bao theo quy định.
4. Lưu thông trên thị trường những SIM đã được kích hoạt sẵn dịch vụ di động trả trước.
5. Tiết lộ, sử dụng thông tin thuê bao di động trả trước trái pháp luật.

Chương II.

ĐĂNG KÝ, LƯU GIỮ VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN THUÊ BAO DI ĐỘNG TRẢ TRƯỚC

Điều 6. Đối tượng đăng ký

Mọi đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 3 đều phải đăng ký thông tin thuê bao, bao gồm:

1. Chủ thuê bao bắt đầu sử dụng dịch vụ di động trả trước.
2. Chủ thuê bao di động trả trước đang được mở hai chiều.
3. Chủ thuê bao di động trả trước đã bị khoá một chiều.
4. Chủ thuê bao di động trả trước đã bị khoá hai chiều, nhưng đang còn trong thời gian 30 ngày kể từ ngày bị khoá được giữ số thuê bao theo quy định và đăng ký sử dụng lại.
5. Chủ thuê bao di động trả trước thay đổi thông tin thuê bao đã đăng ký.

Điều 7. Đăng ký thông tin thuê bao

1. Các chủ thuê bao được quy định tại Điều 6 phải đến đăng ký trực tiếp tại điểm giao dịch được uỷ quyền để cung cấp số thuê bao, chứng minh thư hoặc hộ chiếu đang còn thời hạn sử dụng và giấy giới thiệu (áp dụng cho thuê bao đại diện cho cơ quan, tổ chức) cho chủ điểm giao dịch.
2. Doanh nghiệp thông tin di động chỉ ký hợp đồng uỷ quyền tiếp nhận đăng ký thông tin thuê bao di động trả trước đối với các chủ điểm giao dịch đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
 - a) Có địa điểm giao dịch cố định, địa chỉ cụ thể, rõ ràng;
 - b) Có trang bị máy tính kết nối với mạng viễn thông hoặc Internet đối với các chủ điểm giao dịch tại các quận, phường nội thành thuộc các thành phố, thị xã. Có trang

bị tối thiểu một trong các thiết bị: máy tính, máy điện thoại cố định, máy Fax, máy điện thoại di động được kết nối với mạng viễn thông hoặc Internet đối với các chủ điểm giao dịch tại các vùng còn lại (trừ quận, phường nội thành thuộc các thành phố, thị xã);

c) Đối với chủ điểm giao dịch là cá nhân, phải là người có quốc tịch Việt Nam trên 18 tuổi, có giấy chứng minh thư, hoặc hộ chiếu hợp lệ và còn thời hạn theo quy định;

d) Đối với chủ điểm giao dịch là doanh nghiệp phải có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp lệ;

e) Cam kết thực hiện đúng các quy định về quản lý thuê bao di động trả trước.

3. Việc đăng ký thông tin thuê bao được chủ thuê bao thực hiện trực tiếp tại điểm giao dịch được ủy quyền, thông qua “Bản khai thông tin thuê bao di động trả trước” theo mẫu thống nhất do doanh nghiệp ban hành.

4. Bản khai thông tin thuê bao di động trả trước tối thiểu phải có đầy đủ thông tin dưới đây:

a) Đối với chủ thuê bao là cá nhân người Việt Nam:

- Số máy thuê bao đầy đủ (mã mạng hoặc mã vùng và số thuê bao);
- Họ và tên đầy đủ của chủ thuê bao;
- Ngày tháng năm sinh của chủ thuê bao;
- Số chứng minh thư hoặc hộ chiếu, nơi cấp của chủ thuê bao (đang còn trong thời hạn sử dụng).

b) Đối với chủ thuê bao là người nước ngoài:

- Số máy thuê bao đầy đủ (mã mạng hoặc mã vùng và số thuê bao);
- Họ và tên đầy đủ của chủ thuê bao;
- Ngày tháng năm sinh của chủ thuê bao;
- Quốc tịch của chủ thuê bao;
- Số hộ chiếu của chủ thuê bao (đang còn trong thời hạn sử dụng).

c) Đối với chủ thuê bao là người đứng tên đại diện cho cơ quan, tổ chức:

- Số máy thuê bao đầy đủ (mã mạng hoặc mã vùng và số thuê bao);
- Tên gọi và địa chỉ giao dịch của cơ quan, tổ chức (theo giấy giới thiệu);